

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12-8-2022.

V/v tranh chấp hôn nhân gia đình ly
hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Vinh
2. Ông Nguyễn Hoàng Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Võ Thanh Trường Giang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2022/QĐXX-ST ngày 27 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm: 1988 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt);

- Bị đơn: Anh Nguyễn Chí H, sinh năm: 1988 (có mặt);

Cùng nơi cư trú: Số 455, ấp 2, Xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/02/2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử;

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị L và anh H tự nguyện tìm hiểu vào năm 2005, đến năm 2007 tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 01/4/2009, tại Ủy ban nhân dân Xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng về việc làm, lối sống, thường hay xảy ra mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đã ly thân từ tháng 9/2021 đến nay. Về con chung có 02 người con là Nguyễn Thị Y, sinh ngày 20/02/2009 và Nguyễn Trần

Đức T, sinh ngày 23/7/2015, hiện do chị L nuôi dưỡng. Tài sản chung và nợ chung không có.

Nay chị Trần Thị L yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Chí H, con chung yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Y, sinh ngày 20/02/2009, không yêu cầu anh H cấp dưỡng, thống nhất giao cháu Nguyễn Trần Đức T, sinh ngày 23/7/2015, cho anh H nuôi dưỡng không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Chí H trình bày: Anh H và chị L tự nguyện tìm hiểu vào năm 2005, đến năm 2007 tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND Xã T. Trong thời gian chung sống đến khoảng tháng 6/2017 thì bắt đầu mâu thuẫn do chị L đi xuất khẩu lao động, nên thường xảy ra cự cãi và đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Từ khi ly thân đến nay anh chị và gia đình không có gặp mặt để hàn gắn tình cảm. Về con chung có 02 người con là Nguyễn Thị Y, sinh ngày 20/02/2009 và Nguyễn Trần Đức T, sinh ngày 23/7/2015, hiện do chị L nuôi dưỡng. Tài sản chung và nợ chung không có.

Nay anh Nguyễn Chí H thống nhất ly hôn với chị L, con chung yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Y, sinh ngày 20/02/2009 và Nguyễn Trần Đức T, sinh ngày 23/7/2015, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Vì từ trước đến nay các cháu do gia đình anh H nuôi dưỡng, đến tháng 4/2022 thì chị L về rước các cháu đi chơi và cắt đứt liên lạc với anh H cho đến nay. Tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay anh H đang làm công nhân ở Long An, mỗi tháng thu nhập 9.000.000đ.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Chí H trình bày: Anh H thống nhất ly hôn với chị Trần Thị L, do chị L đã sống chung như vợ chồng với người khác, nên không thể hàn gắn tình cảm, con chung thống nhất giao cháu Y cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Đức T, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55, Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về hôn nhân chấp nhận yêu cầu thuận tình ly hôn. Về con chung tiếp tục giao cháu Y cho chị L nuôi dưỡng, anh H không cấp dưỡng nuôi con do chị L không có yêu cầu, giao cháu Đức T cho anh H nuôi dưỡng, chị L không cấp dưỡng nuôi con do anh H không có yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Chí H, hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú ấp 2, Xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2.] Về quan hệ pháp luật: Chị L và anh H, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nay chị L yêu cầu ly hôn với anh H, yêu cầu nuôi con, nên phát sinh tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn và nuôi con chung. Tòa án thụ L giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về pháp luật áp dụng: Tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị L và anh H là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định, nhưng trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay cự cãi, anh chị và gia đình hai bên không tìm cách giải quyết và hàn gắn tình cảm. Nay chị L và anh H thống nhất thuận tình ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân là sự tự nguyện, không ai cưỡng ép hay ép buộc, cả hai phải tôn trọng, giúp đỡ, chăm sóc, giữ gìn hạnh phúc gia đình, để nuôi dạy con, nhưng giữa chị L và anh H không có sự gắn kết, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng, xung đột kéo dài, không thể hàn gắn được. Mặt khác, chị L và anh H đã ly thân từ năm 2017 đến nay nhưng không thể hàn gắn chung sống với nhau được.

Vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Nguyễn Chí H phù hợp và đúng theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

[2.2.1.] Về nuôi con chung chưa thành niên: Cháu Nguyễn Thị Y, sinh ngày 20/02/2009 và Nguyễn Trần Đức T, sinh ngày 23/7/2015, đang sống chung với chị L. Chị L và anh H thống nhất thỏa thuận về việc nuôi con chung, giao cháu Y cho chị L nuôi dưỡng và giao cháu Đức T cho anh H nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con chung do chị L và anh H không có yêu cầu.

Vì vậy, để đảm bảo cho cháu Ý và cháu Trung có cuộc sống ổn định, phát triển tốt, không gây ảnh hưởng về mặt tâm lý cho cháu khi cha mẹ ly hôn, ổn định việc học, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của cháu và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên sau khi ly hôn và sự thỏa thuận về việc nuôi con chung giữa nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung giữa chị Trần Thị L và anh Nguyễn Chí H, giao cháu Y cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Đức T cho anh H nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con do chị L và anh H không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chị L và anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Ý, cháu Trung không ai được cản trở.

[2.2.2.] Về cấp dưỡng cho con: Do chị L và anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Trần Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn anh Nguyễn Chí H không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Nguyễn Chí H.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung giữa chị Trần Thị L và anh Nguyễn Chí H.

Giao cháu Nguyễn Thị Y, sinh ngày 20/02/2009 cho chị Trần Thị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Chí H không phải cấp dưỡng cho cháu Y do chị Trần Thị L không có yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Giao cháu Nguyễn Trần Đức T, sinh ngày 23/7/2015 cho anh Nguyễn Chí H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Trần Thị L không phải cấp dưỡng cho cháu Đức T do anh Nguyễn Chí H không có yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, chị L và anh H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ

thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Chí H không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị L hoặc anh H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của chị L hoặc anh H.

3. Về án phí:

Nguyên đơn chị Trần Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Trần Thị L đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BI/2019-0010150 ngày 09/5/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, chị Trần Thị L không phải nộp thêm.

Bị đơn anh Nguyễn Chí H không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 12/8/2022). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS ND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Tòa án ND tỉnh;
- Công TTĐT Tòa án;
- UBND xã T;
- Lưu: VT/, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lý Thị Bích Thơ

